

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NẠM KÈ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 457/QĐ-UBND

Nậm Kè, ngày 30 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh và giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025, nguồn chuyển nguồn năm 2024 sang đối với các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp, sáp nhập và thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp.

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NẠM KÈ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/NQ-HĐND ngày 03 tháng 10 năm 2025 Về việc điều chỉnh và giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025, nguồn chuyển nguồn năm 2024 sang đối với các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp, sáp nhập và thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp;

Căn cứ Quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 07/10/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về việc điều chỉnh và giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025, nguồn chuyển nguồn năm 2024 sang đối với các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp, sáp nhập và thực hiện chính quyền 2 cấp năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 24 tháng 10 năm 2025 Về việc điều chỉnh và giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025, nguồn chuyển nguồn năm 2024 sang đối với các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp, sáp nhập và thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh và giao dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025, nguồn chuyển nguồn năm 2024 sang đối với các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp, sáp nhập và thực hiện chính quyền 2 cấp trên địa bàn xã; cụ thể như sau:

I. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 85.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám mươi năm triệu đồng./.) (thu nội địa cân đối ngân sách).

II. Tổng thu ngân sách địa phương: 95.216.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín mươi năm tỷ, hai trăm mười sáu triệu đồng./.).

1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp: 0 đồng.

2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh: 88.053.000.000 đồng, gồm:

2.1. Bổ sung cân đối ngân sách địa phương: 72.282.000.000 đồng;

2.2. Bổ sung có mục tiêu: 15.771.000.000 đồng.

3. Thu chuyển nguồn: 7.163.000.000 đồng, gồm:

3.1. Bổ sung cân đối ngân sách địa phương: 329.000.000 đồng;

3.2. Bổ sung có mục tiêu: 6.834.000.000 đồng.

III. Tổng chi ngân sách địa phương: 95.216.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín mươi năm tỷ, hai trăm mười sáu triệu đồng./.).

1. Chi cân đối ngân sách địa phương: 72.282.000.000 đồng.

- Chi từ nguồn thu ngân sách xã: **0 đồng.**

- Chi ngân sách tỉnh đã phân bổ: **72.282.000.000 đồng.**

+ Chi thường xuyên: 70.979.000.000 đồng.

+ Dự phòng ngân sách: 1.333.000.000 đồng.

2. Chi các Chương trình mục tiêu: 15.771.000.000 đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 8.080.000.000 đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 1.880.000.000 đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 20.000.000 đồng.

- Chi bổ sung có mục tiêu: 5.580.000.000 đồng.

(Chi tiết kèm theo)

3. Chi chuyển nguồn: 7.163.000.000 đồng.

3.1. Chi cân đối ngân sách địa phương: 329.000.000 đồng.

3.2. Chi các Chương trình mục tiêu quốc gia: 6.834.000.000 đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 4.232.000.000 đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 2.592.000.000 đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 10.000.000 đồng.

(Chi tiết kèm theo)

Điều 2. Căn cứ Quyết định này thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, trung tâm dịch vụ hành chính công và đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND xã có trách

nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí có trách nhiệm triển khai thực hiện, quản lý sử dụng và thanh quyết quyết toán theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế; Kho bạc Nhà nước khu vực X - Phòng giao dịch số 4, thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, trung tâm dịch vụ hành chính công và đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND xã tại Điều 1 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Đảng Ủy;
- TT. HĐND xã;
- L.đạo UBND xã;
- Lưu: VT,KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiến Thành

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Trường PTDT BTTH Nậm Kè số 1

Mã số: ĐVSDNS:

Mã KBNN nơi giao dịch:

(Kèm theo quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của xã Nậm Kè)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)	8.226.638.559	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	8.226.638.559	
1.1	Dự toán điều chỉnh số đã chi chưa quyết toán từ ngày 01/01 đến 30/6/2025	915.100	
1.1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	915.100	
1.2	Dự toán giao bổ sung	8.225.723.459	
1.2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6.584.879.576	
-	-Chi thường xuyên. Đã bao gồm: Lương và các khoản phụ cấp theo lương, hợp đồng, nâng lương, tăng giờ, chế độ giáo viên thể dục, chế độ dạy HS khuyết tật và chi nhiệm vụ khác	6.493.856.576	Đồng thời thu hồi tạm cấp tại QĐ số 109/QĐ-UBND ngày 6/8/2025; QĐ số 232/QĐ-UBND ngày 06/09/2025; QĐ số 307/QĐ-UBND ngày 30/9/2025
-	Chi cải cách tiền lương	91.023.000	
1.2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.640.843.883	
-	Chi mua sắm thiết bị	294.883	
-	Chi mua phần mềm	10.752.000	
-	Chi khen thưởng theo Nghị định số 73/NĐ-CP ngày 30/6/2024	327.221.000	
-	Nghị định 81/2021/NĐ-CP	271.000.000	
-	H.trợ HS bán trú, trường PTDT bán trú theo NĐ 116/2016/NĐ-CP	805.000.000	
-	H.trợ HS dân tộc rất ít người theo NĐ 57/2017/NĐ-CP	160.576.000	
-	Chính sách giáo dục với người khuyết	66.000.000	

